

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-PT

Ngày: 09 - 8 - 2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***T phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐ-PT ngày 04/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐ-PT ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị O, sinh năm 1963. Địa chỉ: số S đường H, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Vợ chồng ông Dương Công T, sinh năm 1963, bà Phan Thị Mai P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã TV, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1966. Địa chỉ: số H TL, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (*Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021*).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Đinh Thị Minh Tr, sinh năm 1986; chị Đinh Thị Mai Tr, sinh năm 1991; chị Đinh Thị Thu Y, sinh năm 1992; anh Đinh Văn T, sinh năm 1994; chị Đinh Thị Tú A, sinh năm 2001. Cùng địa chỉ: Số S đường H, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

***Người kháng cáo:*** Ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P – Bị đơn.

(*Bà O, bà H có mặt tại phiên tòa, ông T, bà P vắng mặt, các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày:* Bà và ông Đinh Văn T là vợ chồng, ông T đã chết ngày 22/11/2018. Ngày 04/02/2013 dương lịch vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P vay số tiền 580.000.000đ, thời hạn trả nợ hạn cuối năm 2013, trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi nhưng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi là 1.000/1 triệu/ ngày. Từ khi vay cho đến nay, ông T, bà P không trả cho vợ chồng ông bà một khoản tiền gốc cũng như lãi nào cho dù bà đã đòi nhiều lần. Nay ông T chồng đã mất, bố mẹ ruột của ông T cũng đã mất trước ông T, ông T không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, giữa bà và ông T có 05 người con chung, các con của bà và ông T ủy quyền cho bà toàn quyền quyết định đối với số tiền trên. Vì vậy, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P trả cho bà số tiền gốc là 580.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay 04/02/2013 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra bà O không còn yêu cầu gì khác.

*Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:* Bị đơn xác định ngày 04/02/2013 bà P có vay của ông T 580.000.000đ, nhưng chỉ một mình bà P vay của ông T, còn ông T không vay của ông T, ông T không biết việc vay mượn này. Tuy nhiên, trong tháng 02/2015 ông T, bà P đã trả cho ông T 02 lần tiền cụ thể:

Ngày 04/02/2015 ông T, bà P đã trả cho ông T số tiền 300.000.000đ. Tuy nhiên, theo kết luận giám định là 30.000.000đ thì phía bị đơn cũng đồng ý theo kết luận giám định. Cũng trong tháng 02/2015 ông T, bà P đã trả thêm cho ông T số tiền 100.000.000đ. Như vậy, tổng cộng trong tháng 02/2015 thì ông T, bà P đã trả cho ông T 130.000.000đ. Ngoài ra ông T, bà P có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 190.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 31/3/2009 bị đơn đã xuất trình cho Tòa án

Vì vậy, phía bị đơn yêu cầu cần trừ cụ thể: 580.000.000đ – 130.000.000đ – 190.000.000đ = 260.000.000đ. Bị đơn ông T, bà P đồng ý trả cho bà O số tiền gốc là 260.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi. Ngoài ra, bà H không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Minh TR, chị Đinh Thị Mai Trang, chị Đinh Thị YẾN, anh Đinh Văn Tú, chị Đinh Thị Tú Anh ủy quyền cho bà Trần Thị O tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề có liên quan trong vụ án, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không T.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O, buộc ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị O số tiền nợ gốc là 260.000.000đ, tiền lãi là 223.344.500đ, tổng cộng là 483.344.500đ (Bốn trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O về việc yêu cầu ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P trả cho bà O số tiền gốc và lãi cao hơn quy định của pháp luật là 618.655.500đ (Sáu trăm mười tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16/5/2022, bị đơn ông T, bà P kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Bà H đại diện theo ủy quyền của ông T, bà P xác định bị đơn kháng cáo chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 260.000.000đ, không đồng ý trả lãi vì giấy biên nhận ngày 04/02/2013 không ghi lãi suất. Bà O không đồng ý với kháng cáo của ông T, bà P, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà P. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà O khởi kiện yêu cầu ông T, bà P trả số tiền nợ gốc 580.000.000đ theo giấy biên nhận ngày 04/02/2013 và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm. Ông T, bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng quy định của pháp luật.

Theo hồ sơ thể hiện: Đơn khởi kiện (Bl số 01) bà O yêu cầu ông T, bà P trả số tiền gốc 580.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay đến ngày khởi kiện (10/4/2020) tính tròn là 86 tháng, tổng cộng cả gốc và lãi là 1.078.800.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bà O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối

với số tiền nợ gốc 580.000.000đ, đối với tiền lãi bà O yêu cầu tính theo mức 10%/năm T tiền lãi 522.000.000đ. Tổng cộng, cả gốc và lãi bà O yêu cầu bị đơn trả là 1.102.000.000đ.

[2] Xét kháng cáo của bà P, ông T không đồng ý trả tiền lãi thì thấy rằng:

[2.1] Theo giấy biên nhận ngày 04/02/2013 hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, bà O cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 10%/năm còn bị đơn không thừa nhận. Giao dịch được thực hiện từ năm 2013. Do đó, căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 do các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ là 9%/năm. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm và áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng. Cụ thể, lãi suất được tính lại như sau:

- Tiền lãi từ ngày 01/01/2014 đến ngày 04/02/2015 trên số tiền gốc là  $(580.000.000đ - 190.000.000đ) \times 9\%/năm \times 13 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 38.317.500đ$ .

Ngày 04/02/2015 bà P trả 30.000.000đ. Đến tháng 02 âm lịch bà P trả tiếp 100.000.000đ nên áp dụng quy định về thời hạn tại Điều 150, 151 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính ngày trả là ngày giữa tháng 2 âm lịch tương ứng ngày 04/02/2015 dương lịch.

- Tiền lãi tính từ ngày 05/02/2015 đến ngày 04/4/2015 trên số nợ gốc  $(390.000.000đ - 30.000.000đ) \times 9\%/năm \times 1 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 5.310.000đ$ .

- Tiền lãi tính từ ngày 04/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc  $(360.000.000đ - 100.000.000đ) \times 9\%/năm \times 85 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 165.815.000đ$ .

Tổng cộng, tiền lãi ông T, bà P phải trả cho bà O là 209.442.500đ. Như vậy, cả gốc và lãi ông T, bà P phải trả cho bà O là  $260.000.000đ + 209.442.500đ = 469.442.500đ$ .

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông T, bà P, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi, theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông T, bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo vợ chồng ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P, sửa bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O. Buộc ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị O số tiền nợ gốc là 260.000.000đ và tiền lãi 209.442.500đ, tổng cộng là 469.442.500đ (*Bốn trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O về việc yêu cầu ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải trả cho bà O số tiền gốc và lãi cao hơn quy định của pháp luật là 632.557.500đ (*Sáu trăm ba mươi hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị O tự nguyện nhận chịu 5.680.000đ chi phí giám định, bà O đã nộp đủ, đã quyết toán xong. Ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải chịu 3.300.000đ chi phí giám định, ông T, bà P đã nộp đủ và đã quyết toán xong.

3. Về án phí:

Buộc ông Dương Công T, bà Phan Thị Mai P phải chịu 22.777.700đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông T, bà P được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003244, 300.000đ theo biên lai thu số 0003246 cùng ngày 26/5/2022 và 5.350.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0015391 ngày 17/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông T, bà P còn phải nộp số tiền 16.827.700đ (*Mười sáu triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng*) án phí.

Bà Trần Thị O phải chịu 29.302.300đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 22.182.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007681 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà O còn phải nộp số tiền 7.120.300đ (*Bảy triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm đồng*) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (3);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Vũ Thị Nguyệt**